



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

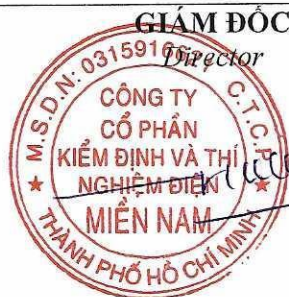
Số/ No: 2019/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 04/07/2025 Trang/ Page: 1/3
---------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY CP NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO & NÔNG NGHIỆP NINH THUẬN (NITSA)
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of testing:</i>	Nhà máy điện mặt trời Ninh Phước 6.1 & 6.2 <i>Ninh Phuoc 6.1 & 6.2 Solar Power Plant</i>
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Type of testing:</i>	Tủ hợp bộ RMU <i>The RMU cabinet.</i>
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Thiết bị - Trạm hợp bộ T06 <i>01 Equipment - The T06 station's</i>
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	- TN/QT-11; IEC 60076 -1:2011, IEC 60076-3:2018, IEC 60137:2017, IEC 60076-18:2012, TCVN 6306-1:2015, TCVN 6306-3:2006, QCVN QTD-5:2009/BCT - Theo yêu cầu của khách hàng; Tài liệu NSX
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	03/07/2024
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ Type: SF6 Số quản lý/ Serial no: P02237/0125G01 Điện áp định mức/ Rated voltage: 24 kV Dòng định mức/ Rated current: 630 A Dòng cắt định mức/ Rated break down current: 25kA/1s Nhà sản xuất/ Manufacture: DAQO Năm sản xuất/ Date of manufacture: 2025
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment</i>	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ; HLY-200C; HZC-3980; HYCT-100; Fluke 287C; Fluke 355.
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	1412/25/ETSC
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Đạt yêu cầu về kỹ thuật tại thời điểm kiểm tra <i>Satisfied technical requirements at the time of examination</i>
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: 07/2026 <i>Recommended next testing period:</i>	

Người Thực Hiện
Executor

Đoàn Nguyễn Huy Thắng

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-11/M01

Ban hành lần 2



Số/ No: 2019/2025/TN-ETSC

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
CERTIFICATE OF TESTING

Ngày/ Date: 04/07/2025
Trang/ Page: 2/3

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Tên chỉ tiêu Content	Mức quy định cho phép The level of provisions allowing	Kết quả kiểm tra Result	Đánh giá Assess
Vệ sinh, quan sát bên ngoài Hygiene, outside observation	Thiết bị còn nguyên vẹn, không bị nứt hay hư hỏng các bộ phận cách điện, dẫn điện The equipment remains intact, electrical conductors and insulators are not cracked or damaged.	Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Kiểm tra bề mặt sứ cách điện/ Check and clean porcelain insulators		Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Kiểm tra tiếp địa/ Grounding check		Còn tốt/ Good	Đạt/ Pass
Thao tác chọn các chức năng bằng tay Manually select the functions manually		Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass
Kiểm tra thao tác đóng cắt DS, ES/ Check the disconnected switch, earth switch operation		Thao tác tốt/ Good	Đạt/ Pass

10.2 Đo điện trở cách điện mạch chính/ Insulation resistance of main circuit measurement

Đối tượng đo Object testing	Điện áp thử (VDC) Voltage testing	Điện trở cách điện (MΩ) Measurent result	Đánh giá Assessment
A - Σ + E	2500	>105000	Đạt/Pass
B - Σ + E	2500	>105000	Đạt/Pass
C - Σ + E	2500	>105000	Đạt/Pass

10.3 Đo điện trở cách điện máy biến dòng điện/ Insulation resistance of current transformer measurement

Đối tượng đo <i>Object testing</i>		Điện áp thử (VDC) <i>Voltage testing</i>	Điện trở cách điện (MΩ) <i>Measurent result</i>	Đánh giá <i>Assessment</i>
Bushing CT	AS1 - E	500	>1050	Đạt/Pass
	BS1 - E	500	>1050	Đạt/Pass
	CS1 - E	500	>1050	Đạt/Pass
ZCT	S1 - E	500	>1050	Đạt/Pass

Số/ No: 2019/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 04/07/2025 Trang/ Page: 3/3
---------------------------	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1

Content of measured results 10 page 1

10.4 Đo điện trở cách điện chống sét van/ Insulation resistance of lightning arrester measurement

Đối tượng đo <i>Object testing</i>	Điện áp thử (VDC) <i>Voltage testing</i>	Điện trở cách điện (MΩ) <i>Measurent result</i>	Đánh giá <i>Assessment</i>
A - E	2500	>105000	Đạt/Pass
B - E	2500	>105000	Đạt/Pass
C - E	2500	>105000	Đạt/Pass

10.5 Đo điện trở tiếp xúc mạch chính / Contact resistance main circuit measurement

Đối tượng đo <i>Object testing</i>	Điện áp thử (ADC) <i>Current testing</i>	Điện trở tiếp xúc (mΩ) <i>Measurent result</i>			Đánh giá <i>Assessment</i>
		A ₁ - A ₂	B ₁ - B ₂	C ₁ - C ₂	
DS 40607-7 - DS 4306-3 - CB	100	0.849	0.842	0.851	Đạt/Pass
DS 4061-7 - DS 4306-3 - CB	100	0.829	0.838	0.831	Đạt/Pass

10.6 Chụp sóng máy cắt/ Time closing, open of circuit breaker measurement

Đối tượng đo <i>Object testing</i>	Phase A	Phase B	Phase C	Tiêu chuẩn (ms) <i>Standard</i>	Đánh giá <i>Assessment</i>
Thời gian đóng (ms) <i>Close time</i>	34.8	34.2	34.60	/	Đạt/Pass
Thời gian đồng bộ khi đóng giữa 3 pha (ms) <i>Synchronous time when close between 3 phases</i>	0.8			< 6	Đạt/Pass
Thời gian mở (ms) <i>Open time</i>	22.6	22.1	23.0	/	Đạt/Pass
Đồng bộ khi mở giữa 3 pha (ms) <i>Synchronous time when open between 3 phases</i>	0.9			< 6	Đạt/Pass

10.7 Hiện thị khí, đèn/ Display flags, lights:

- Hoạt động bình thường/ Normal activity

10.8 Số lần thao tác tủ/ Number of cabinet operations:

- 5 lần/ 5 times